

Bản án: 03/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 06-01-2025
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.
2. Bà Trần Thị Đồi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toạ lạc tại Khu B, thị trấn H) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1232/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2024 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Mộng T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/10/2024 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Đào Mộng T trình bày: Chị và anh Nguyễn Trường G sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 25/7/2003. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, chị và anh G không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Nay thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt và cũng không thể hàn

gắn nên chị xin ly hôn anh G, vì bận công việc nên chị xin vắng mặt tại các phiên xét xử của Tòa án.

Về con chung: Nguyễn Tâm N, sinh ngày 23/11/2003; Nguyễn Thanh P, sinh ngày 27/9/2014 và Nguyễn Thanh P1, sinh ngày 27/9/2014. Sau khi ly hôn chị xin tiếp tục nuôi con Nguyễn Thanh P và Nguyễn Thanh P1. Yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thanh P 1.500.000 đồng/tháng và Nguyễn Thanh P1 1.500.000 đồng/tháng. Nguyễn Tâm N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trường G mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Đào Mộng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trường G, anh G hiện có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Đ, huyện Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[1.3] Anh G đã được tổng đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng anh G vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Mộng T và anh Nguyễn Trường G chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa chị T và anh G được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, chị T và anh G phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn anh G, anh G không phản hồi ý kiến của chị T.

Xét thấy, chị T và anh G chung sống với nhau, phát sinh mâu thuẫn. Chị T và anh G không tự khắc phục được mâu thuẫn nên để mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ khi xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân tới nay, anh G cũng không tìm ra được biện pháp gì để vợ chồng được đoàn tụ, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử hôm nay, anh G cũng không đến, không có thiện chí để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Do

đó, xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên chị T xin ly hôn với anh G là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh G.

[3] Con chung:

[3.1] Cháu Nguyễn Tâm N, sinh ngày 23/11/2003 đã trưởng thành, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Đối với cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 27/9/2014 và cháu Nguyễn Thanh P1, sinh ngày 27/9/2014 thì chị T xin được nuôi 02 cháu P và cháu P1. Cháu P và cháu P1 có bản tự khai sau khi chị T và anh P ly hôn, 02 cháu xin được sống với chị T. Xét thấy, cháu P và cháu P1 đang sống với chị T ổn định, hai cháu phát triển bình thường, anh G cũng không có ý kiến phản hồi về việc chị T xin nuôi con, nên thấy cần thiết để đảm bảo quyền lợi cho 02 cháu P và cháu P1 cũng như duy trì sự phát triển bình thường, ổn định của 02 cháu nên cần tiếp tục để chị T nuôi 02 cháu P và cháu P1 là phù hợp.

[3.3] Chị T yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi cháu P 1.500.000 đồng/tháng, cháu P1 1.500.000 đồng/tháng, anh G không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, cần buộc anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định, mức cấp dưỡng nuôi mỗi đứa con bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản là 1.170.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh G không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp, sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng sung công quỹ Nhà nước theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Mộng T đối với anh Nguyễn Trường G về việc “ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

Việc nuôi con: Chị Đào Mộng T được quyền tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 27/9/2014 và cháu Nguyễn Thanh P1, sinh ngày 27/9/2014, anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi đứa con là 1.170.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đào Mộng T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Chị T được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006020 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Anh G chịu 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hoà;
- TAND tỉnh Long An;
- UBND thị trấn Hậu Nghĩa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Quyên